

TĂNG TRƯỞNG NÓNG - NGUY CƠ LỚN ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ TRUNG QUỐC

NGUYỄN KIM BẢO*

Từ năm 2003 đến nay, vấn đề nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng quá nóng luôn được các nhà hoạch định chính sách, các học giả kinh tế Trung Quốc quan tâm theo dõi. Chính phủ Trung Quốc đã áp dụng một loạt các biện pháp điều tiết vĩ mô, tuy thu được những kết quả nhất định, song vẫn chưa làm thay đổi tình trạng kinh tế quá nóng. Tăng trưởng nóng vẫn còn là vấn đề tiềm ẩn nguy cơ lớn đối với nền kinh tế Trung Quốc.

I. TÍNH TẤT YẾU CỦA VIỆC TĂNG TRƯỞNG NÓNG Ở TRUNG QUỐC

1. Khái niệm

Theo các chuyên gia kinh tế Trung Quốc, nền kinh tế tăng trưởng trên 9% là nóng, dưới 7% là lạnh, mức giới hạn tăng trưởng kinh tế cho phép là 10%(1, tr.130 và 50).

2. Tăng trưởng nóng lần này là tất yếu

Năm 1992, sau chuyến thăm miền Nam của ông Đặng Tiểu Bình và Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, nền kinh tế Trung Quốc có sự tăng trưởng nhảy vọt. Tỷ lệ tăng GDP năm 1991 là 9,2%; năm 1992 lên tới 14,2% và năm 1993 là 13,5% (1, tr.79).

Trước tình hình kinh tế tăng trưởng quá nóng, bắt đầu từ năm 1993, Nhà nước Trung Quốc tiến hành khống chế đầu tư tài sản cố định. Tốc độ tăng trưởng GDP giảm dần theo từng năm. Từ 1994 - 1997, GDP lần lượt giảm còn 12,6%; 10,5%; 9,6% và 8,8%. Để thay đổi tình trạng này, từ năm 1998 Nhà nước Trung Quốc đã áp dụng chính sách tài chính tích cực, chính sách tiền tệ ổn định bền vững. Đồng thời thực hiện chiến lược “Đại khai phát miền Tây”; tiến hành đô thị hoá; áp dụng một loạt chính sách khuyến khích các chủ thể đầu tư (đặc biệt là đầu tư của kinh tế dân doanh) đã thúc đẩy tăng trưởng đầu tư tài sản cố định. Từ năm 2000, Nhà nước bắt đầu ngừng chia nhà phúc lợi, tăng lượng nhu cầu của người dân đối với nhà thành phẩm. Vì vậy, ngành nhà đất phát triển nhanh đã kéo theo sự tăng trưởng kinh tế. Không chỉ vậy, cuối năm 2001, Trung Quốc gia nhập WTO, xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài nhờ đó có bước tiến mới khiến cho GDP và đầu tư tài sản cố định năm 2002 tăng lên đáng kể. Hệ thống các ngành công nghiệp được khôi phục và phát triển. Cuối năm 2002, Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc

* TS.Viện Nghiên cứu Trung Quốc.

đã xác lập mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội khá giả và đặt ra mục tiêu GDP tăng gấp 4 lần vào năm 2020. Tất cả những điều này đã đem lại động lực mới cho sự phát triển kinh tế và xã hội Trung Quốc. Song, nó cũng là cơ sở cho nền kinh tế Trung Quốc lại tăng trưởng nóng từ năm 2003 tới nay.

II. TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG NÓNG Ở TRUNG QUỐC

Trong quá trình đẩy nhanh điều chỉnh kết cấu để thực hiện những mục tiêu trên, kinh tế Trung Quốc đã tăng trưởng khá nhanh. Năm 2002, tỷ lệ tăng GDP của Trung Quốc là 8,0%. Năm 2003, tỷ lệ này lên tới 9,1% (1, tr.79). Năm 2004 là 9,5% (2). Mức tăng này đã kề sát với giới hạn cho phép là 10%. Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng cao thể hiện chủ yếu trên các lĩnh vực sau:

1. Các ngành kinh tế tăng trưởng mạnh

Với sự điều chỉnh kết cấu ngành kinh tế trong những năm gần đây, các ngành kinh tế của Trung Quốc có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Từ năm 2003 đến nay, Chính phủ Trung Quốc đã liên tiếp đưa ra một loạt biện pháp chính sách hỗ trợ đối với ngành nông nghiệp như bù đắp giống cây lương thực, bù đắp máy nông nghiệp, giảm thuế nông nghiệp, tăng đầu vào các hạng mục phát triển giáo dục nông thôn, y tế, môi trường...Nhờ vậy, sản xuất nông nghiệp xuất hiện chuyển biến mạnh. Trung Quốc đã xoay chuyển được cục diện giảm sút sản xuất lương thực liên tục trong 4 năm liền (1999 - 2002), đưa giá trị gia tăng của ngành nông nghiệp năm 2004 đạt 2074,4 tỷ NDT, tăng 6,3%. Đóng góp cho GDP là 9,2%, cao hơn 5,2% so với năm trước

(2, tr.1). Đối với ngành công nghiệp, từ năm 1999 đến nay, Nhà nước tăng cường chính sách tiêu thụ trong nước, mở rộng xây dựng các cơ sở hạ tầng bao gồm năng lượng, giao thông và cơ sở viễn thông...nên tỷ trọng công nghiệp nặng đã tăng lên mạnh mẽ, làm thay đổi kết cấu trước đây. Toàn bộ kết cấu kinh tế quốc dân nghiêng về công nghiệp nặng. Tỷ trọng công nghiệp nặng tăng từ 60% năm 1999 lên 64% năm 2003. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp nặng từ 13,1% năm 2002 lên đến 18,6 năm 2003. Trong 8 tháng đầu năm 2004, có 3 tháng đạt tỷ lệ tăng trưởng 20%(1, tr.72). Nguyên nhân công nghiệp nặng tăng mạnh trong thời kỳ này chủ yếu là do từ năm 2003, kết cấu tiêu dùng của người dân đã nâng cấp, hướng vào mua sắm ô tô, nhà cửa nhiều kéo theo nhu cầu về các sản phẩm điện lực, vật liệu xây dựng, sắt thép, kim loại màu, hoá dầu và thiết bị điện tử tăng lên... Công nghiệp nặng tăng trưởng mạnh khiến cho ngành công nghiệp vẫn đóng vai trò chủ đạo trong tăng trưởng kinh tế và là động lực chính của đợt tăng trưởng kinh tế cao này. Năm 2004, giá trị gia tăng của ngành công nghiệp đạt 7238,7 tỷ NDT, tăng 11,1%, đóng góp cho GDP 61,8%. Ngành dịch vụ đạt giá trị gia tăng năm 2004 là 4338,4 tỷ NDT, tăng 8,3% so với năm trước. Sự phát triển của ngành này hài hoà. Đóng góp cho GDP của ngành dịch vụ là 29,0%, cao hơn 2,8% so với năm trước (2, tr.1).

2. Đầu tư tăng trưởng cao

Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, các doanh nghiệp phải đối mặt với cạnh tranh trên thị trường quốc tế, họ cần thông qua đầu tư để nâng cao trình độ

khoa học kỹ thuật và quy mô sản xuất. Do vậy, từ nửa cuối năm 2002, đầu tư trở thành biện pháp phát triển được nhiều doanh nghiệp áp dụng, mở ra nhiều hạng mục mới dẫn đến kết quả đầu tư tài sản cố định toàn xã hội năm 2003 của Trung Quốc là 5511,8 tỷ NDT, tăng 26,7% so với năm 2002 (3, tr. 5). Đầu tư cho công nghiệp chiếm chủ yếu trong tăng trưởng đầu tư tài sản cố định. Chẳng hạn như, từ tháng 1 - 8 năm 2004, đầu tư tài sản cố định của ngành công nghiệp tăng 41,7% trong tỷ trọng đầu tư, so với cùng kỳ năm trước tăng 3,2%. Các ngành có đầu tư tăng mạnh là dầu mỏ, luyện than, nhiên liệu hạt nhân, nguyên liệu hoá học, chế phẩm hoá học, luyện kim màu, tấm ép kim loại, thiết bị giao thông vận tải, thiết bị điện khí... Trước tình hình đó, năm 2004, Chính phủ Trung Quốc đã nâng cao tỷ lệ vốn đầu tư quy định vào các ngành như sắt thép, xi măng, điện giải nhôm, nhà đất. Đối với ngành gang thép, tỷ lệ vốn đầu tư quy định từ 25% tăng lên 40%; nhôm, xi măng, khai thác phát triển nhà đất (không tính nhà ở kinh tế) đều từ 20% tăng lên 35% (1, tr.92). Đồng thời, Trung Quốc tiến hành đi sâu chỉnh đốn trật tự thị trường nhà đất, tăng cường quản lý đầu tư tín dụng, thanh lý toàn bộ các hạng mục đầu tư tài sản cố định. Những biện pháp chính sách mới này đã có tác dụng hạn chế sự tăng đầu tư quá nhanh. Từ tháng 1 - 8/2004, các dự án mới ở thành phố chỉ tăng 7,4%, giảm 23,6% (1, tr.57). Cả năm 2004, đầu tư tài sản cố định cả nước đạt 7007,3 tỷ NDT, tăng 25,8% so với năm 2003, tốc độ tăng đã hạ xuống 1,9% (2, tr.4). Tuy tốc độ tăng đã giảm, song đầu tư tài sản cố định vẫn ở mức tăng trưởng khá cao.

Đầu tư tài sản cố định tăng cao còn có một nguyên nhân quan trọng khác, đó là do chính quyền các địa phương đặt trọng điểm công tác vào xây dựng các dự án đầu tư tài sản cố định nhằm làm cho kinh tế địa phương phát triển mạnh. Điều này khiến cho đầu tư tài sản cố định vượt quá mức cho phép. Năm 2003 đầu tư của dự án địa phương tăng 36,2% so với năm trước, chiếm 85,3%, đầu tư của dự án Trung ương giảm 4,6%, chiếm 14,7%. Quý I/2004, đầu tư của dự án địa phương tăng 60,2% so với cùng kỳ năm trước còn của Trung ương chỉ tăng có 4,8% (1, tr.128).

Khác với trước đây, đầu tư quá nóng của Trung Quốc hiện nay chủ yếu là do kết cấu tiêu dùng của người dân thành phố đã nâng lên, tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhanh hơn, đầu tư xã hội tăng nhiều và ngày càng sôi động.

3. Vật giá tăng cao

Cùng với kinh tế đi vào giai đoạn tăng trưởng mạnh, quy mô cung ứng ngoại tệ mở rộng, vật giá có xu thế tăng lên rõ rệt. Chỉ số giá tiêu dùng của nhân dân, chỉ số giá tư liệu sản xuất, giá xuất xưởng sản phẩm công nghiệp... tăng nhanh.

Tháng 8 - 2004, mặt bằng giá tiêu dùng của người dân cả nước tăng 5,3%. Giá lương thực tăng trưởng 31,9%, giá trứng, thịt và thành phẩm khác tăng 23,5%; giá điện, nước và nhiên liệu tăng 9,6%, giá xây dựng nhà cửa và vật liệu tăng 5,3%, giá thuê nhà tăng 3,2%... (1, tr.91). Với số liệu trên có thể thấy, giá nông sản phẩm chủ yếu như lương thực, dầu ăn, thịt gia súc, gia cầm tăng mạnh là nguyên nhân chính dẫn đến tăng giá tiêu dùng của người dân.

Bên cạnh giá tiêu dùng của người dân tăng, năm 2004 giá tư liệu sản xuất cũng tăng khá mạnh. Từ tháng 1 - 8/2004, chỉ số giá mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực tăng 10,4%. Tháng 8 năm 2004, giá than trên toàn quốc ở mức cao. Giá mua than thương phẩm của các xí nghiệp than bình quân là 194,03 NDT/ tấn, tăng 22,70 NDT, tăng 13%. Giá than dùng cho phát điện mà các xí nghiệp than cung ứng là 152,58 NDT/ tấn, tăng 5,50 NDT, tăng 11,3%. Tháng 8 - 2004, giá thị trường dầu lửa quốc tế tăng lên khiến cho giá dầu xuất xưởng của Trung Quốc tăng 26,6%. Do chịu ảnh hưởng của giá dầu trên thế giới tăng và giá sản phẩm nguyên liệu chủ yếu như gang thép lên xuống đột ngột, nên giá xuất xưởng sản phẩm công nghiệp tăng 6,8%, so với tháng 7 tăng hơn 0,4%. Giá nguyên vật liệu tăng đã tác động làm tăng giá thành phẩm cuối cùng. Tại thời điểm tháng 8, giá hàng hoá đã tăng lên 9,5% (1, tr.92). Một số ngành đầu tư quá nóng và thiếu năng lượng cũng là nguyên nhân lớn gây tăng giá cao. Từ năm 2003 đến nay, nhu cầu đầu tư trong nước tăng lên. Các ngành như gang thép, xi măng, luyện nhôm điện giải đã xuất hiện tình trạng đầu tư quá nóng, đầu tư nhà đất cũng xuất hiện tình trạng "áo" và có những cơn sốt. Đầu tư quá nóng dẫn đến khả năng cung ứng năng lượng, nguyên vật liệu hết sức khó khăn. Những điều này làm cho giá năng lượng, nguyên vật liệu và tư liệu sản xuất cũng như giá vận chuyển dần tăng lên và trở thành áp lực làm tăng mặt bằng giá cả chung.

Xét về quan hệ đối ứng giữa biến động của các bộ phận trong tổng nhu cầu với các thành phần cấu thành nên tổng

mặt bằng giá có thể thấy sự tăng trưởng mạnh của đầu tư tài sản cố định là nguyên nhân chính dẫn đến tăng tổng thể mặt bằng giá cả. Tăng trưởng đầu tư làm cho quan hệ cung cầu thay đổi, giá cả tăng là phản ứng tất yếu khi cung không đủ cầu.

III. TĂNG TRƯỞNG NÓNG LÀ NGUY CƠ LỚN ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ TRUNG QUỐC

Lần kinh tế tăng trưởng nóng hiện nay sẽ làm xuất hiện và làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn mang tính kết cấu trong phát triển và vận hành kinh tế. Đây thực sự là nguy cơ lớn đối với nền kinh tế Trung Quốc. Nó chủ yếu thể hiện trên mấy phương diện như sau:

1. Mâu thuẫn giữa kinh tế tăng trưởng nhanh và thiếu năng lượng

Như chúng tôi đã phân tích, lần tăng trưởng nóng này có ngành công nghiệp nặng đi đầu. Đặc điểm của nó là tăng trưởng đầu tư cao vào các ngành tiêu hao năng lượng như gang thép, hoá chất, kim loại màu. Chính vì vậy khi nền kinh tế đi vào guồng tăng trưởng nhanh, mâu thuẫn cung cầu trong một bộ phận ngành năng lượng, nguyên vật liệu quan trọng và vận tải sẽ trở nên gay gắt.

Hiện nay, lượng dầu mà Trung Quốc có còn xa mới đáp ứng được nhu cầu trong nước, không thể không dựa vào lượng lớn dầu nhập khẩu. Lượng dầu Trung Quốc cần nhập khẩu chiếm đến 40%. Từ năm 2003 đến nay, sản xuất điện tăng trưởng nhanh, tốc độ tăng luôn giữ ở mức 15% - 16% nhưng vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu tăng trưởng, thiếu điện đã trở thành vấn đề toàn

quốc. Hiện nay, 24 lưới điện cấp tỉnh trong cả nước (năm 2003 có 22 lưới điện) ở vào tình trạng thiếu điện, đặc biệt là khu vực Hoa Đông, Hoa Trung mâu thuẫn cung cầu rất rõ rệt. Các chuyên gia kinh tế tính rằng quý III năm 2004, Trung Quốc thiếu 30 triệu kw điện. Các doanh nghiệp do bị thiếu điện nghiêm trọng, không những không thể vận hành hết công suất, mà còn bị ảnh hưởng xấu về mặt tổ chức sản xuất. Theo tính toán sơ bộ của thành phố Hàng Châu, giá thành tự phát điện của doanh nghiệp cao hơn 0,6 NDT so với giá thành điện trên mạng cung ứng. Ninh Hạ không thể đảm bảo cung ứng đủ 4 tỷ kw cho các dự án phù hợp với chính sách công nghiệp của Nhà nước. Chỉ riêng điều này cũng đủ khiến cho giá thành của doanh nghiệp công nghiệp tăng lên 2,4 tỷ NDT.

Do thiếu năng lực vận tải, hiện tượng sản phẩm doanh nghiệp tồn kho chờ vận chuyển tương đối phổ biến, chi phí chiếm dụng tồn kho tăng lên. Vì phải bảo đảm chuyên chở vật tư quan trọng của Nhà nước nên cảng Tân Cương gặp nhiều khó khăn trong bố trí chuyên chở sản phẩm cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, gây ảnh hưởng nhất định cho công tác tiêu thụ sản phẩm. Lượng bốc xếp của Ninh Hạ chỉ đáp ứng được khoảng 1/3 nhu cầu, chi phí vận tải nửa đầu năm 2004 tăng thêm 1 tỷ NDT (4, tr.327).

Tình hình trên cho thấy, trong thời gian ngắn Trung Quốc vẫn rất khó khăn trong việc hoá giải sự căng thẳng trong năng lượng, nguyên vật liệu và vận tải. Mâu thuẫn giữa tăng trưởng kinh tế với thiếu thốn năng lượng ngày càng trầm trọng sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định bền vững và ảnh hưởng đến sự vận hành bình thường của nền kinh tế.

2. Bất hợp lý trong kết cấu đầu tư

Mấy năm nay, những thay đổi trong tổng lượng quy mô đầu tư tài sản cố định đã cải thiện rất nhiều tình trạng không đủ nhu cầu, đồng thời đóng vai trò tích cực thúc đẩy kinh tế Trung Quốc đi vào giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ. Song, những biến động do lợi nhuận và lợi ích đầu tư quá cao cùng với những nổi cộm trong đầu tư bừa bãi đã dẫn đến đầu tư quá nóng trên diện rộng, một số ngành như sắt thép, xi măng, điện giải nhôm tồn tại hiện tượng đầu tư quá mức và xây dựng lập đi lập lại ở trình độ thấp. Đầu tư của ngành nhà đất xuất hiện tình trạng ảo và có những “con sốt”. Một số nơi phát triển nhanh công nghiệp gia công thông thường, mà thiếu những ngành công nghiệp hàm lượng kỹ thuật cao nên tốc độ tăng trưởng đầu tư tương đối thấp. Xét về kết cấu ngành nghề, ngành công nghiệp đầu tư tăng quá mạnh, ngành nông nghiệp và dịch vụ lại tăng trưởng chậm. Năm 2003, đầu tư xây dựng cơ bản của ngành nông nghiệp chỉ tăng 1,6%, tỷ lệ này là không phù hợp trong việc tăng cường xây dựng sản xuất nông nghiệp. Kết cấu đầu tư cho thấy ngành nông nghiệp và ngành dịch vụ có tỷ trọng giảm. So sánh năm 2003 và 2001 trong toàn bộ đầu tư xây dựng cơ bản, tỷ trọng ngành nông nghiệp từ 5,6% giảm xuống còn 4,7%, ngành dịch vụ từ 63,7% giảm còn 61,1%. So sánh đầu tư tài sản cố định 8 tháng đầu năm 2005 với cùng kỳ năm trước, tỷ trọng ngành nông nghiệp từ 1,2% giảm còn 1%, tỷ trọng ngành dịch vụ từ 62,9% giảm còn 59,2%. Trong nền kinh tế quốc dân Trung Quốc, tỷ trọng ngành dịch vụ luôn ở vào khoảng 30%-35%. Trong vòng 10 năm nay, thấp hơn mức bình quân

của đại đa số các quốc gia đang phát triển (35%), cách xa tỷ lệ của các quốc gia phát triển (60%-80%). Điều chỉnh và nâng cấp kết cấu ngành nghề giúp cải thiện lượng vốn gửi và dẫn dắt phương hướng đầu tư. Kết cấu đầu tư bất hợp lý sẽ không có lợi để thay đổi tình hình phát triển trì trệ của các ngành.

3. Tăng trưởng kinh tế và mất cân bằng việc làm

Mấy năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế Trung Quốc ngày càng tăng. Nhưng mỗi năm tỷ lệ tăng việc làm mới lại giảm dần (từ năm 2001-2003 số việc làm tăng lần lượt là 9,4 triệu, 7,15 triệu và 6,92 triệu). Số người đăng ký thất nghiệp ở các thành phố thị trấn và tỷ lệ thất nghiệp không hề giảm xuống mà luôn có xu thế tăng lên. Từ năm 2000-2003, số người đăng ký thất nghiệp cuối năm từ 5,95 triệu người năm 2000 đã tăng lên 8 triệu người năm 2003, tỷ lệ đăng ký thất nghiệp cuối những năm lần lượt là 3,1%; 3,6%; 4% và 4,3%. Tình hình việc làm năm 2004 vẫn hết sức gay go, đăng ký thất nghiệp thành phố thị trấn vẫn tiếp tục tăng. Tính đến cuối tháng 6 năm 2004, toàn quốc có tổng cộng 8,37 triệu người đăng ký thất nghiệp, tăng 370.000 người so với cuối năm 2003, tỷ lệ đăng ký thất nghiệp thành phố thị trấn là 4,3% (1, tr.76).

Xuất hiện tình trạng mất cân bằng: kinh tế đi lên song tỷ lệ thất nghiệp cũng tăng, nó có nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân là ngành công nghiệp - một ngành tăng trưởng nhanh nhưng khả năng thu hút việc làm lại rất yếu, mà ngành dịch vụ có khả năng thu hút lượng lớn lao động thì tăng trưởng khá chậm chạp, tỷ trọng trong

kết cấu kinh tế hơi thấp. Trung Quốc đang trong thời kỳ giữa của công nghiệp hoá, xu thế giảm số việc làm trong ngành nông nghiệp có tính hợp lý của nó. Lực lượng lao động dư thừa quá lớn ở nông thôn tới 200 triệu người, như vậy sẽ tạo thành áp lực lớn đối với việc làm tại các thành phố. Nhưng khả năng thu hút việc làm của các thành phố thị trấn là hết sức có hạn, mỗi năm tỷ lệ tăng trưởng việc làm chỉ có 3% - 4%. Làn tăng trưởng mạnh kinh tế này mang đặc trưng là tốc độ tăng trưởng công nghiệp nặng rất cao. Công nghiệp nặng sản xuất mang tính tập trung vốn, kỹ thuật vì thế khó thu hút lao động như ngành dịch vụ. Cho nên, phải thay đổi tình trạng tỷ trọng ngành dịch vụ thấp, tăng trưởng chậm, giải quyết mâu thuẫn bất hợp lý trong kết cấu kinh tế, lấy kết cấu ngành nghề làm chỗ dựa, thực hiện mục tiêu thông qua tăng trưởng kinh tế để mở rộng ngành nghề.



CHÚ THÍCH:

1. Lưu Quốc Quang, Lý Kính Văn... (chủ biên): *Phân tích và dự báo tình hình kinh tế Trung Quốc năm 2005*. - Nxb "Văn hiến", KHXH, Bắc Kinh, 2004.

2. *Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa*. - <http://WWW.stats.gov.cn>.

3. *Công báo thống kê phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc năm 2003*. - <http://WWW.stats.gov.cn>.

4. Cố Cường, Lý Nghị ... (chủ biên): *Phân tích sự vận động của kinh tế phi công hữu nước ta đầu năm 2004*. - Nxb "Công nghiệp cơ giới", Bắc Kinh, 2004.